TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/3/2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Ân

2. Ông Phạm Công Luận

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm canh khai vụ án thụ lý số: 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị Kim L, sinh năm: 1987; Địa chỉ: ấp Bình Huề 2, xã Đ, huyện B, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Anh Lê Tấn L, sinh năm: 1988; Địa chỉ: ấp Bình Huề 2, xã Đ, huyện B, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Tạ Thị Kim L trình bày:

Chị và bị đơn là anh Lê Tấn L chung sống với nhau vào năm 2004, trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến ngày 10/10/2008 mới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu, vợ chồng cùng chung sống với nhau hạnh phúc và có con chung, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng và có nhiều bất đồng, không thể chung sống với nhau được. Năm 2008, anh L bị bắt và phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam Châu Bình và vợ chồng cũng đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị có yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh L có 02 con chung là Tạ Văn Quí, sinh ngày 23/6/2005 và Lê Nguyễn, sinh ngày 12/10/2006 hiện do chị

đang trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung. Chị có yêu cầu sau khi vợ chồng ly hôn, chị là người tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc làm ăn và ở xa, việc đi lại khó khăn, chị không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn của chị và anh L được nên chị có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị không có khiếu nại.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của anh Lê Tấn L, anh Lê Tấn L trình bày:

Anh và chị L sống chung vào năm 2004 trên tinh thần tự nguyện nhưng do lúc đó anh chị chưa đủ tuổi theo quy định nên không thể đăng ký kết hôn được. Đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2008 thì anh bị bắt chấp hành án phạt tù nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đó, không có thời gian đoàn tụ. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn thương yêu với nhau nữa nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung, anh đồng ý theo yêu cầu của vợ anh. Anh thừa nhận và đồng ý vợ chồng có 02 con chung tên Tạ Văn Quí, sinh ngày 23/6/2005 và Lê Nguyễn, sinh ngày 12/10/2006. Do cháu Tạ Văn Quí sinh ra khi vợ chồng chưa đăng ký kết hôn nên cháu mang họ mẹ, anh đồng ý giao cả 02 con chung cho vợ anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Anh L có yêu cầu xin xét xử vắng mặt vì anh đang phải chấp hành án nên không thể tham gia giải quyết vụ án xin ly hôn được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Tạ Thị Kim L và anh Lê Tấn L đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Tạ Thị Kim L và anh Lê Tấn L chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2008 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2008 thì vợ chồng sống ly thân. Nguyên nhân là do anh L phải chấp hành án phạt tù, tình cảm anh L và chị L dần dần phai nhạt và cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy anh L và chị L đã sống ly thân với nhau, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, anh chị không còn quan tâm chăm sóc nhau như vợ như chồng. Do chị L không còn tình cảm vợ chồng với anh L nữa nên chị có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng khanh thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh L cũng không còn tình cảm với chị L và không đồng ý đoàn tụ với chị L, anh đồng ý thuận

tình ly hôn với chị L. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh L là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Trong quá trình chung sống chị L và anh L có 02 con chung là Tạ Văn Quí, sinh ngày 23/6/2005 và Lê Nguyễn, sinh ngày 12/10/2006 hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do vào năm 2005, anh L và chị L không có đăng ký kết hôn nên khi sinh cháu Tạ Văn Quí, không thể đăng ký khai sinh có tên cha là anh Lê Tấn L được. Tuy nhiên, cả chị L và anh L đều thống nhất với nhau vợ chồng có 02 con chung như trên, nên công nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị L và anh L sống ly thân cho đến nay chị L vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ, cả 02 cháu vẫn phát triển bình thường. Do đó, không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết nên giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, để cháu được ổn định tâm lý và việc học hành; anh L cũng đồng ý khi ly hôn giao con chung cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, cả 02 con chung của anh L và chị L đều trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cả 02 cháu, cả 02 cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn; bên cạnh đó, xét thấy hiện tại anh L cũng không thể trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên được và anh phải chấp hành án phạt tù. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cả 02 con chung chưa thành niên cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị L, không trái với quy định pháp luật nên ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị L và anh L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] *Về án phí:* Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tạ Thị Kim L và anh Lê Tấn L.

2. *Về con chung:* Chị Tạ Thị Kim L và anh Lê Tấn L có có 02 con chung là Tạ Văn Quí, sinh ngày 23/6/2005 và cháu Lê Nguyễn, sinh ngày 12/10/2006. Giao cả hai con chung cho chị Kim Liên trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Tấn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Tấn L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:*

Chị Tạ Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000192 ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm; chị L đã nộp đủ án phí

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, nơi cư trú của các đương sự, các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**